TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **49**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2017
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Hồ Thị Mỹ Dung
Các hội thẩm nhân dân :
Bà Lê Thị Thu Nga
Bà Vũ Thị Lệ Thủy

-Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Hương Trà – Là Thư ký tòa án nhân dân quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2017/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2017/QĐST - HPT ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Thái Thị Mỹ L** . Sinh năm : 1973. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trú tại : tổ 10 phường A, quận S, TP Đà Nẵng, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Đông H**, sinh năm 1979. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Trú tại : tổ 10 phường A, quận S, TP Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2017, bản tự khai và tại phiên toà sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Thái Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân :Bà L và ông Nguyễn Đông H kết hôn với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, Tp Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có ai ép buộc gì. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 10 phường A, quận S, TP Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình, giờ giấc sinh hoạt thất thường, nhiều khi đi chơi bời qua đêm mấy ngày không về nên vợ chồng mâu thuẫn cãi vả, đánh đập nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn của

vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi, tiếp tục ăn chơi nghiện ngập ma túy . Nay về tình cảm Bà L xác định không còn yêu thương ông H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà L được ly hôn ông Nguyễn Đông H.

Về con chung : Bà L xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đông D, sinh ngày 08/5/2004 và Nguyễn Đông N, sinh ngày 12/11/2006. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn Bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Nguyễn Đông H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung : Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung : Bà L xác định không có

Bị đơn, ông Nguyễn Đông H từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hoà giải và cũng không tham gia phiên toà nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử đúng nguyên tắc chung. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật. Về nội dung xét thấy quan hệ hôn nhân của Bà L và ông H đã thật sự trầm trọng nên cần áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam cho Bà L được ly hôn ông H; về con chung: hiện nay Bà L có nguyện vọng được 02 con chung là Nguyễn Đông D, sinh ngày 08/5/2004 và Nguyễn Đông N, sinh ngày 12/11/2006 cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Nguyễn Đông H phải cấp dưỡng nuôi con chung, ông H không có ý kiến, yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam giao 02 con chung là Nguyễn Đông D, sinh ngày 08/5/2004 và Nguyễn Đông N, sinh ngày 12/11/2006 cho Bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung : không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]**Về thủ tục tố tụng**: Ông Nguyễn Đông H là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng không có mặt. Tại phiên tòa hôm nay ông H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung:** Bà Thái Thị Mỹ L và ông Nguyễn Đông H kết hôn với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số 01 ngày 25/11/2002, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có ai ép buộc gì. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được Nhà nước công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo Bà L trình bày là do ông H không lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình, giờ giấc sinh hoạt thất thường, nhiều khi đi chơi bời qua đêm mấy ngày không về nên vợ chồng mâu thuẫn cãi vả, đánh đập nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi, tiếp tục ăn chơi nghiện ngập ma túy. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Bà L xác định không còn yêu thương ông H nên xin được ly hôn còn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến về quan hệ hôn nhân này. Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà L thì thấy: Giữa Bà L và ông H từ khi kết hôn năm 2002 đến nay chung sống hạnh phúc đến năm 2014 đã phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra cả hai bên đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình. Đối với ông H có ý thức để mặc, không tham gia các phiên hòa giải, chứng tỏ không còn tha thiết với chính gia đình của mình. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hai bên không còn mục đích xây dựng hạnh phúc chung. Đại diện tổ dân phố nơi ông bà sinh sống xác định giữa Bà L và ông H có mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do ông H nghiên ma túy đã từng bị đưa đi cai nghiện tập trung nhưng không sửa đổi, tháng 6/2017 tái nghiện và bị Công an lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính. Do vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải duy trì cuộc hôn nhân mà thực tế đã không còn tồn tại nữa mà giải quyết cho Bà L được ly hôn với ông H là phù hợp quy định tại điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Bà L xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đông D, sinh ngày 08/5/2004 và Nguyễn Đông N, sinh ngày 12/11/2006. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn Bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Nguyễn Đông H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét các cháu Nguyễn Đông D, sinh ngày 08/5/2004 và Nguyễn Đông N, sinh ngày 12/11/2006 đủ 7 tuổi được tòa án triệu tập lấy lời khai có nguyện vọng xin được chung sống với bà Linh, ông H không có mặt tại phiên tòa hôm nay nên xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của các con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần nên cần giao 02 con chung là Nguyễn Đông D, sinh ngày 08/5/2004 và Nguyễn Đông N, sinh ngày 12/11/2006 cho bà Thái Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam và phù hợp với nguyện vọng của con. Do Bà L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đề cập đến.

[3]Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H không có ý kiến về vấn này nên HĐXX không đề cập đến.

[4]Về nợ chung: Bà Thái Thị Mỹ L xác định không có. Ông H không có ý kiến gì về vấn đề này nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Sau này các đương sự có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, yêu cầu giải quyết nợ chung có đơn khởi kiện tại Tòa án thì sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nguyên đơn bà Thái Thị Mỹ L phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc"Ly hôn, tranh chấp nuôi con" của bà Thái Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Đông H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thái Thị Mỹ L được ly hôn ông Nguyễn Đông H.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thái Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Đông H nên giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số 01/2002 do UBND phường A, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 25/11/2002 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Đông D, sinh ngày 08/5/2004 và Nguyễn Đông N, sinh ngày 12/11/2006 cho bà Thái Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông Nguyễn Đông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đề cập đến

4. Về nợ chung :Không đề cập đến

*** Về án phí:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Thái Thị Mỹ L phải chịu, được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí Bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, biên lai thu số 0001723 ngày 02/6/2017.

Báo cho Bà L biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 11/9/2017. Riêng ông Nguyễn Đông H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKS nhân dân quận Sơn Trà - Đà Nẵng;*
- *Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà, ĐN;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường A, quận S, TP Đà Nẵng*
- *Lưu hồ sơ, VT.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Hồ Thị Mỹ Dung